

Số: 07/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 226/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Chị Hà Thị T; sinh năm 1995; nơi thường trú: tổ C, khu phố Y, phường T, tỉnh Quảng Ninh;

Người yêu cầu: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1992; nơi thường trú: tổ C, khu phố Y, phường T, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào 20/7/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 có quan điểm sống không đồng nhất, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Nguyễn Đức T1 và chị Hà Thị T đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, phân tích giúp vợ chồng hàn gắn nhưng không thành công. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/6/2019. Nay ly hôn, anh T1, chị T thỏa thuận: Anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc D đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, anh T1, chị T thỏa thuận chị Hà Thị T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/01 tháng (hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 thỏa thuận thống nhất: chị Hà Thị Thùy C 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/6/2019. Nay ly hôn, anh T1, chị T thỏa thuận: Anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc D đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, anh T1, chị T thỏa thuận chị Hà Thị T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Đức T1 không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị Hà Thị T tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002354 ngày

08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Hà Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV1 - Quảng Ninh;
- VKSND T.Quảng Ninh
- Thi hành án dân sự T. Quảng Ninh;
- **TAND tỉnh Quảng Ninh;**
- **UBND phường Tuần Châu,**
tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Thủy